TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 35/2022/QĐST-HNGĐ	*Điện Biên Phủ, ngày 18 tháng 4 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 361 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 43/2022/TLVDS - HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn*", gồm những người yêu cầu giải quyết việc dân sự sau đây:

1. Ông Phạm M Đ; Địa chỉ: Số nhà 66, tổ dân phố 12, phường M T, thành phố Đ P, tỉnh Đ;

2. Bà Nông H T; Địa chỉ: Số nhà 66, tổ dân phố 12, phường M T, thành phố Đ P, tỉnh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Vợ chồng ông Phạm M Đ và bà Nông H T thực sự tự nguyện ly hôn.

[2] Về con chung: Giao cháu Phạm K T- sinh ngày 12/02/2020 cho bà Nông H T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. Ông Phạm M Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà T là 2.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4/2022.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn thực hiện theo các Điều 81, 82, 83, 84, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (*ngày 08/4/2022*), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông Phạm M Đ và bà Nông H T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Phạm K T- sinh ngày 12/02/2020 cho bà Nông H T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. Ông Phạm M Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà T là 2.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4/2022.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn thực hiện theo các Điều 81, 82, 83, 84, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về lệ phí: Ông Phạm M Đ chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng ông Đức đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001879 ngày 05/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Người yêu cầu;
- VKSND TP ĐBP;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- UBND phường Mường Thanh TPĐBP
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Lưu:VP, HS việc dân sự;

THẨM PHÁN

Trần Thị Thương Huyền

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:/2019/QĐST-HNGĐ	*Điện Biên Phủ, ngày tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 361 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số:**62**/2019/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 6 năm 2019 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:**

-Ông Nguyễn Văn Đảng - Sinh năm 1989.

Địa chỉ: Đội 9, xã Thanh Xương, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Bà Lê Thị Thu - Sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số nhà 122, Tổ 22, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trong đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn đề ngày 19/6/2019 Ông Nguyễn Văn Đảng và Bà Lê Thị Thu bày:

- **Về hôn nhân:**Ông Nguyễn Văn Đảng và Bà Lê Thị Thutự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 30/12/2015 tại trụ sở UBND xã Thanh Xương, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc, trong thời gian chung sống tính tình vợ chồng không hợp, thường xảy ra mâu thuẫn bất đồng, không có tiếng nói chung.

Nay thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.Vì vậyông Đảng và bà Thu làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị.

- Về con chung: Ông Đảng và bà Thucó 01 con chung là cháu Nguyễn Lê Thanh Thùy - sinh ngày 14/11/2015.

Ông Đảng và bà Thuđã thỏa thuận cùng thống nhất, bà Thu sẽ là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Lê Thanh Thùy - sinh ngày 14/11/2015.Việc cấp dưỡng nuôi con chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ: Không có

Ngày 05/7/2019, Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên cả Ông Đảng và bà Thuđều không nhất trí quay về đoàn tụ. Căn cứ vào biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, các đương sự đã thỏa thuận được những nội dung sau:

[1] Về hôn nhân: ông Nguyễn Văn Đảng vàbà Lê Thị Thuvẫn giữ yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2].Về con chung; Bà Lê Thị Thuđược quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là cháu cháu Nguyễn Lê Thanh Thùy - sinh ngày 14/11/2015 cho đến khi cháu thành niên hoặc đến khi có thay đổi khác. Việc cấp dưỡng nuôi con chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theoLuật hôn nhân và gia đình.

[3].Về tài sản:Tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Không có

[4]. Về lệ phí giải quyết vụ việc: Nguyễn Văn Đảngtự nguyện chịu toàn bộ lệ phí dân sự sơ thẩm.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 05 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Đảng vàbà Lê Thị Thuthuận tình ly hôn.

- Về con chung:Bà Lê Thị Thuđược quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Lê Thanh Thùy - sinh ngày 14/11/2015 cho đến khicháu thành niên hoặc đến khi có thay đổi khác. Việc cấp dưỡng nuôi con chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo Luật hôn nhân và gia đình.

- Về quan hệ tài sản:Tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về: Không có.

2.Về lệ phí Tòa án:Ông Nguyễn Văn Đảngtự nguyện chịu toàn bộ lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002356 ngày 19/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4.Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh ĐB;
- VKSND TP. ĐBP;
- Chi cục THADS TP. ĐBP;
- Các đương sự;
- UBND xã Thanh Xương;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Nhung